

Bản án số: 4703/2024/DS-ST
Ngày: 27/9/2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Chi
- Ông Trần Đăng Vạn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Quang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc B - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1695/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 6336/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 7616/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty T (Việt Nam); địa chỉ: I P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lâm Thị Thùy D (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: P, Tầng D, tòa nhà S T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Abdol A, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ 2 đường T, Phường T, thành phố T, TP ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/9/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) (sau đây viết tắt là Công ty T) có bà Lâm Thị Thùy D đại diện trình bày:

Ngày 12/3/2022, Công ty T và ông Abdol A ký Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số: 2964553, về việc cấp tín dụng cho ông Abdol A với khoản vay trị giá 31.980.000 đồng, trong đó: tiền vay 30.000.000 đồng, phí bảo hiểm 1.980.000 đồng; thời hạn vay là 24 tháng; lãi suất 45%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả lãi 10%/năm; Theo hợp đồng tín dụng ông Abdol A có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng với số tiền là 2.046.607 đồng trong kỳ hạn 24 tháng kể từ ngày 15/4/2022 đến ngày 15/3/2024. Sau khi được giải ngân, tính đến ngày 17/9/2022 ông Abdol A đã thanh toán cho Công ty T với tổng số tiền là 12.327.642 đồng. Kể từ ngày 18/9/2022, ông Abdol A không thanh toán cho Công ty T theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Công ty đã liên hệ nhắc nợ qua điện thoại rất nhiều lần để yêu cầu ông Abdol A thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo HĐTD. Đồng thời, Công ty cũng đã gửi thư đề nghị thanh toán để thông báo trực tiếp cho ông A1 Aziz biết về việc đã quá hạn thanh toán. Tuy nhiên, Ông/bà Abdol Aziz vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo HĐTD cho phía Công ty.

Do đã gửi thông báo nhắc nợ nhưng ông Abdol A vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo HĐTD cho phía Công ty. Nên Công ty T đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên buộc ông Abdol A thanh toán cho Công ty T tổng cộng số tiền tính đến ngày 27/9/2024 là: 59.020.238 đồng. Trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 26.405.369 đồng; số tiền lãi trong hạn: 10.341.556 đồng; số tiền lãi quá hạn: 20.769.729 đồng; số tiền lãi chậm trả: 1.503.584 đồng và tiếp tục trả lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 28/9/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Bị đơn ông Abdol A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn, đúng quy định của pháp luật. Việc cấp tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xác định đúng người tham gia tố tụng. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của pháp luật. Vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa: Đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty T (Việt Nam) yêu cầu ông Abdol A trả số tiền vay. Bị đơn ông Abdol A cư trú tại thành phố T. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bà Lâm Thị Thùy D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Abdol A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà D và ông Abdol A.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4] Căn cứ Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số: 2964553 ngày 12/3/2022, có đủ cơ sở xác định Công ty T đã cấp tín dụng cho ông Abdol A với khoản vay trị giá 31.980.000 đồng, trong đó: tiền vay 30.000.000 đồng, phí bảo hiểm 1.980.000 đồng; thời hạn vay là 24 tháng; lãi suất 45%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả lãi 10%/năm.

[5] Căn cứ Phiếu báo nợ thể hiện: Công ty T đã giải ngân cho ông Abdol A số tiền 30.000.000 đồng vào tài khoản số 0381000404679 của ông Abdol A mở tại Ngân hàng N vào ngày 16/3/2022.

[6] Căn cứ vào Giấy chứng nhận bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm số: 8925536 ngày 17/3/2022, thì Công ty T đã chuyển số tiền bảo hiểm 1.980.000 đồng cho Công ty TNHH B1 (M).

[7] Ông Abdol A đã thanh toán cho Công ty T tính đến ngày 17/9/2022, với tổng số tiền là 12.327.642 đồng. Kể từ ngày 18/9/2022, ông Abdol A không thanh toán cho Công ty T theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

[8] Căn cứ khoản 3.3 Điều 3 Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số: 2964553 ngày 12/3/2022 quy định về việc thanh toán đúng hạn; khoản 11.1 Điều 11 Bản điều khoản và điều kiện cho vay bị đơn có nghĩa vụ trả nợ đúng hạn nhưng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ đến hạn, đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng.

[9] Căn cứ vào bảng tính lãi chi tiết nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ và những phân tích nêu trên, Công ty T yêu cầu ông Abdol A phải trả cho Công ty T tổng số tiền nợ là tính đến ngày 27/9/2024 là: 59.020.238 đồng. Trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 26.405.369 đồng; số tiền lãi trong hạn: 10.341.556 đồng; số tiền lãi quá hạn: 20.769.729 đồng; số tiền lãi chậm trả: 1.503.584 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 28/9/2024 theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng là có căn cứ chấp nhận.

[10] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

[11] Án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.951.012 đồng.

[12] Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Án lệ số: 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số: 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/5/2003 của Tòa án nhân dân tối cao và được công bố theo Quyết định số: 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T (Việt Nam).

Buộc ông Abdol A phải trả cho Công ty T (Việt Nam) số tiền 59.020.238 đồng (năm mươi chín triệu, không trăm hai mươi ngàn, hai trăm ba mươi tám đồng), trong đó: nợ gốc 26.405.369 đồng, tiền lãi trong hạn là 10.341.556 đồng, tiền lãi quá hạn là 2.769.729 đồng, tiền lãi chậm trả 21.503.584 đồng, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 28/9/2024, ông Abdol A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Abdol A phải chịu 2.951.012 đồng (hai triệu, chín trăm năm mươi một ngàn, không trăm mười hai đồng).

Trả lại cho Công ty T (Việt Nam) 978.783 đồng (chín trăm bảy mươi tám ngàn, bảy trăm tám mươi ba đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2023/0006120 ngày 26/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Hương